

SỰ DU NHẬP VÀ TRIỂN KHAI THIỀN TÔNG Ở NHẬT BẢN

Phạm Thị Thu Giang^{1*}

¹*Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội*

** Email: ptt.giang@vju.ac.vn*

Ngày nhận bài: 04/05/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 30/06/2023

Ngày chấp nhận đăng: 17/07/2023

TÓM TẮT

Nhật Bản được biết đến là đất nước có văn hóa thiền độc đáo. Sau khi được du nhập vào Nhật Bản, Thiền tông đã được triển khai theo những cách thức riêng với vai trò của các vị khai tổ như Eisai (Lâm Tế tông), Dogen (Tào Động tông)... Đặc biệt, với sự ủng hộ mạnh mẽ của giới võ sĩ, Thiền Ngũ sơn đã hình thành từ thời Kamakura, tạo nên hệ thống thiền tự và thúc đẩy sự ảnh hưởng của thiền trên các mặt của đời sống xã hội. Hơn nữa, sự kết hợp giữa nghệ thuật pha trà, thưởng trà và thiền đã tạo nên một nét văn hóa độc đáo của Nhật Bản là trà đạo và mang lại cho Thiền tông Nhật Bản những sắc thái mới. Bằng các phương pháp như thu thập, phân tích, khảo cứu sử liệu và nghiên cứu lịch sử, có thể thấy được khái quát về quá trình du nhập, triển khai Thiền tông ở Nhật Bản và những đặc trưng của Thiền tông Nhật Bản trên các khía cạnh như nguồn gốc, hệ phái, cách thức hành trì...

Từ khóa: Thiền tông, Tào Động tông, Lâm Tế tông, Nhật Bản.

ZEN BUDDHISM'S INTRODUCTION AND DEVELOPMENT IN JAPAN

ABSTRACT

Japan is known for its unique Zen culture. After being introduced to Japan, Zen Buddhism has evolved in its own unique way, thanks to the contributions of founders such as Eisai (Rinzai sect) and Dogen (Soto sect), etc. Especially, with the strong support from the Samurai, the Gozan Zen had been established since the Kamakura period, creating Zen temple system and promoting the influence of Zen on all aspects of social life. Furthermore, the combination of the art of making tea, enjoying tea, and Zen has created a unique Japanese culture known as the Tea Ceremony, which has given Japanese Zen Buddhism new nuances. The findings of research on the process of importing and deploying Zen Buddhism in Japan reveal characteristics of Japanese Zen Buddhism in areas such as origin, sects, practice methods, and so on.

Keywords: Zen, Soto sect, Rinzai sect, Japan.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như đã biết, Nhật Bản được đánh giá là quốc gia có nền văn hóa truyền thống độc đáo, trong đó Thiền tông thu hút không ít sự chú ý của người nước ngoài khi tìm hiểu về

đất nước này. Ở Việt Nam, người ta thường biết đến thiền của Nhật Bản thông qua tác phẩm *Thiền luận* (Daisetz Tettaro Suzuki, 2023) hay *Lịch sử Phật giáo Nhật Bản* (Giác Dũng, 2002). Tuy nhiên, hiện nay chưa có

công trình nghiên cứu chuyên sâu về sự hình thành và triển khai Thiền tông ở Nhật Bản.

Trong bài viết này, trên cơ sở kết quả khảo cứu về quá trình du nhập và cách thức triển khai các phái thiền ở Nhật Bản, đặc biệt tập trung vào những nét độc đáo trong cách triển khai của Lâm Tế tông, tác giả hi vọng không chỉ làm rõ lịch sử du nhập và phát triển của Thiền tông của Nhật Bản mà còn có thể đưa ra một số gợi ý để từ đó so sánh về cách thức triển khai của các phái thiền ở các nước Đông Á khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam...

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp thu thập, phân tích, khảo cứu sử liệu và nghiên cứu lịch sử để khắc họa một cách khái quát về quá trình du nhập và triển khai Thiền tông ở Nhật Bản.

Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành Sử học, Văn hóa học... để có thể nắm bắt một cách tổng thể tình hình phát triển của Thiền tông ở Nhật Bản.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Quá trình du nhập Thiền tông vào Nhật Bản

3.1.1. Sự du nhập thiền vào Nhật Bản thời kì Nara (710 – 794) và Heian (794 – 1195)

Như đã biết, Phật giáo được công truyền vào Nhật Bản khoảng cuối thế kỉ thứ VI. Khi đó, triều đình của các Thiên hoàng đã coi Phật giáo không chỉ là một tôn giáo thông thường, mà tôn vinh như một quốc giáo với sự hình thành của nền Phật giáo quốc gia. Mặc dù với nguồn sử liệu hiện tồn, người ta chưa tìm thấy lí do của sự lựa chọn Phật giáo thay vì lựa chọn Nho giáo với tư cách là tư tưởng chính trị chính thống, nhưng có thể thấy, đây là cách lựa chọn khác biệt của các Thiên hoàng Nhật Bản thời cổ đại so với các quốc gia Đông Á khác cùng thời.

Theo đó, nhiều nhân tài trong nước đã được tuyển chọn đưa sang nhà Tùy, Đường (được gọi là Khiển Tùy sứ, Khiển Đường sứ) để tầm cứu về kinh điển Phật giáo. Dưới sự bảo hộ của triều đình, giới Phật giáo Nara đã nhanh chóng phát triển Phật giáo với sáu tông phái chính (Pháp Tướng tông, Tam Luận tông, Cự Xá tông, Thành Thực tông, Luật tông, Hoa Nghiêm tông) và gây dựng thế lực chính trị mạnh mẽ đến mức trở thành mối đe dọa đối với cả các Thiên hoàng và giới quý tộc đương thời. Đặc biệt, vào thời kì Heian này, Phật giáo Nhật Bản đã chứng kiến sự hình thành của hai tông phái lớn: Thiền Thai tông do sư Saicho (766 – 822) khai mở và Chân Ngôn tông do sư Kukai (774 – 835) gây dựng. Với tư tưởng Phật giáo hộ quốc, Thiền thai tông, Chân ngôn tông và 6 tông phái Phật giáo hình thành thời Nara (hay còn gọi là tám tông phái thời Heian) đã tạo nên sự phát triển vượt bậc của Phật giáo Nhật Bản.

Bên cạnh các tông phái trên, Thiền tông cũng đã sớm được các tầng ni Nhật Bản chú ý đến và du nhập từ khoảng cuối thế kỉ XI. Theo tác giả của *Nguyên Hanh Thích thư* (Genko Shakusho, 元亨釈書)¹, bộ thư tịch được coi là đầu tiên ghi lại lịch sử Phật giáo của Nhật Bản, Thiền tông đã được du nhập vào từ thế kỉ thứ VII. Theo đó, tác giả cho rằng, nhà sư Dosho (道昭, 629 – 700) là người đầu tiên đã đưa Thiền tông vào Nhật Bản.

Tuy nhiên, phải đợi đến khi Hoàng Thái hậu Tachibana-no-Kachiko (786 – 850) mời thiền sư Nghĩa Không từ Linh Trí viện ở Hàng Châu về Nhật Bản thì việc du nhập, tiếp thu Thiền tông mới được thực hiện một cách bài bản. Tachibana-no-Kachiko là Hoàng hậu của Thiên hoàng Saga (786 – 842, tại vị 809 – 823). Vào những năm niên hiệu Jowa (834 – 848), hoàng hậu Tachibana-no-Kachiko đã cho xây dựng thiền tự Danrin-ji (Đàn Lâm tự) ở Sagano và mời thiền sư Nghĩa Không về trụ trì. Từ ghi chép trong *Nguyên Hanh Thích thư*, có thể thấy một phần lí do tại sao

¹ Tác giả của *Nguyên Hanh Thích thư* (Genko Shakusho, 元亨釈書) là Thiền sư phái Lâm Tế Koseki Shiren (1278 – 1346). Bộ thư tịch gồm 30 quyển, được trình lên Triều đình vào năm Genko thứ 2 (1322), nên được đặt là *Genko Shakusho* (Nguyên Hanh Thích thư), tức sách về Phật giáo được viết vào những năm niên hiệu Genko (âm Hán Việt là Hanh Nguyên).

hoàng hậu Tachibana-no-Kachiko quyết định mời thiền sư Nghĩa Không². Theo đó, hoàng hậu đã chất vấn nhà sư Kukai (774 – 835)³ rằng, ngoài Mật tông có tông phái nào siêu việt hơn không thì được trả lời là có Phật tâm tông của Đạt Ma, nhưng bản thân ông không hiểu rõ. Vì vậy, hoàng hậu đã cử nhà sư Egaku⁴ sang nhà Đường tìm hiểu.

Sau khi thiền sư Nghĩa Không sang Nhật Bản, “Thiên hoàng đã hoan hỉ đón tiếp. Sau đó, thái hậu đã cho xây dựng thiền tự Danrin và nhiều lần đích thân đến thỉnh về đạo Phật. Nhiều vị quan cũng đến xin chỉ giáo...”⁵. Trong phần ghi chép về sự kiện diễn ra vào tháng 8 năm Jowa thứ 3 (836) của **Tục Nhật Bản kỷ** có ghi: “50 thiền tăng đến Bát tỉnh viện và đọc Đại Bát Nhã kinh để trừ bệnh”⁶. Ngoài ra còn có ghi về việc chép Đại Bát Nhã kinh, cầu cho quốc thái an dân, cầu mùa, trừ bệnh... Qua đó có thể thấy, vào thời kì đó, các thiền sư đã thực hiện các nghi lễ phù chú theo yêu cầu của triều đình hơn là triển khai Thiền tông. Theo **Bản triều cao tăng truyện** (Honcho Koso-den, 本朝高僧伝) không ít lâu sau khi đến Nhật Bản, thiền sư Nghĩa Không đã tỏ ra thất vọng với cách hiểu của người Nhật đương thời về Thiền tông, nên đã xin về lại nhà Đường.

3.1.2. Thiền sư Eisai (1141 – 1215) và sự du nhập Lâm Tế tông

Sau thiền sư Nghĩa Không, phải đến cuối thời Heian, khi sư Eisai sang nhà Tống tu tập theo Lâm Tế tông và du nhập vào Nhật Bản thì Thiền tông mới bắt đầu được triển khai và phát triển thành một tông phái độc lập. Khi đó, Nhật Bản đã bước sang thời Kamakura (1192 – 1333) với sự trỗi dậy của tầng lớp võ sĩ và sự hình thành của Mạc phủ Kamakura,

tức chính quyền của giới võ sĩ. Cùng với đó là sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội, kinh tế và văn hóa. Theo đó, Phật giáo Nhật Bản cũng đã có những sự phát triển vượt bậc với sự lớn mạnh của tám tông phái thời Heian và sự xuất hiện của những nhà tư tưởng Phật giáo kiệt xuất, từ đó đã hình thành nên những tông phái Phật giáo mới, độc đáo của Nhật Bản sau này, trong đó có các phái thiền.

Năm 1167, Eisai đã tìm đường sang nhà Tống với hi vọng từ đó có thể sang Tây Trúc, nơi phát tích của đạo Phật để mong tiếp thu được Phật giáo chân truyền. Tuy nhiên, sau khi sang nhà Tống, ông mới nhận ra sự khó khăn trong việc hành hương sang Tây Trúc, nên đã ở lại đó trong sáu tháng. Ở đây, lần đầu tiên Eisai đã được biết đến Thiền. Theo Eisai thì “Các vị tổ của chúng ta đã du nhập Thiền về nước và giờ đây vẫn đang được lưu truyền nên chúng ta sẽ phải làm cho Thiền trở nên hưng thịnh”⁷. Khi đó, Eisai đã biết ở nhà Tống thiền đang thịnh hành. Tuy nhiên, mục đích lớn lao hơn của Eisai là tìm cách thay đổi hiện trạng suy thoái của Phật giáo Nhật Bản đương thời nói chung bởi theo ông tăng ni Nhật Bản lúc đó chỉ thuyết pháp mà không tu tập nghiêm ki, không trì giới...

Sau khi về nước, ngoài Mật tông, Eisai đã tiếp tục tìm cứu về thiền. Đến năm 1187, khi 47 tuổi, Eisai lại quyết tâm sang nhà Tống. Khởi đầu ông đã lên Thiên Thai sơn và tu tập theo sư Hư Am Hoài Xương⁸ ở Vạn Niên tự. Sau đó, ông cùng sư phụ chuyển đến Thiên Đồng sơn và tu tập theo phái Hoàng Long của Lâm Tế tông. Khi đó, trong số các vị tăng Nhật Bản sang nhà Tống, chỉ có Eisai là tiếp thu đạo thiền. Sau 4 năm, tức năm 1191, Eisai về lại Hizen, tức tỉnh Nagasaki

² Theo **Nguyên Hanh Thích thư** (Genko Shakusho, 元亨釈書), Quyển 6.

³ Kukai (774-835) là vị khai tổ của Mật tông Nhật Bản. Ông đã được cử sang nhà Đường vào năm 803.

⁴ Nhà sư sống vào khoảng đầu thời kì Heian, đã nhiều lần được cử sang nhà Đường. Không rõ năm sinh, năm mất.

⁵ Theo **Nguyên hanh thích thư** (Genko Shakusho, 元亨釈書), Quyển 6.

⁶ Theo **Tục Nhật Bản hậu kỷ** (Sou-Nihon-gi, 続日本後紀).

⁷ Theo **Hưng Thiền hộ quốc luận** (Kozen Gokoku-ron, 興禪護國論).

⁸ Là sư tổ đời thứ 8 của phái Thiền Hoàng Bách, Lâm Tế Tông. Đến nay người ta chỉ biết ông sống vào thời Tống và không rõ năm sinh năm mất.

ngày nay để truyền bá đạo thiền, xây dựng thiền tự, phổ biến thiền quy và tổ chức chép kinh điển Thiền tông. Ngoài ra, Eisai còn mang giống trà từ nhà Tống về và trồng ở núi Sefuri. Hiện nay, nơi đây được coi là địa danh trồng trà đầu tiên của Nhật Bản. Vì vậy, văn hóa Thiền tông của Nhật Bản nói chung và Lâm Tế tông nói riêng vẫn có mối quan mật thiết với trà đạo. Nhiều trà nhân (những nghệ nhân trà đạo) cũng đồng thời là thiền sư và tạo nên đặc trưng của trà đạo Nhật Bản bằng tư tưởng thiền này.

Tuy nhiên, sau khi về nước và truyền bá tư tưởng Thiền tông, Eisai đã bị tăng chúng tự viện Enryaku-ji thuộc Thiên thai tông, một trong những tông phái Phật giáo có thế lực nhất trong xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ phản đối. Vì vậy, Eisai đã phải dời Kyoto và phiêu bạt ở các địa phương khác như Kita-Kyushu hay Kamakura để truyền giáo... Trong thời gian đó, ông đã tuyên thuật và biên soạn nên tác phẩm như *Xuất gia đại cương* (Shukke Taiko, 出家大綱), *Hưng Thiền hộ quốc luận* (Kozen Gokoku-ron, 興禪護国論), *Nhật Bản Phật pháp trung hưng nguyện văn* (Nihon Buppo Chuko Ganmon, 日本佛法中興願文) nhằm khẳng định tính cần thiết, chính đáng của thiền. Ông đã dùng chính những kinh điển của các tông phái để phân biệt và truyền bá những hiểu biết về đạo thiền. Theo Eisai thì thiền “là giáo lý riêng, không truyền đạt bằng chữ nghĩa, không có văn bản giáo lý mà cốt ở trong tâm, tách biệt khỏi chữ nghĩa. Nếu con người ta quên đi ngôn từ và chuyên chú trong tâm thì sẽ thành Phật”⁹. Trong tác phẩm *Hưng Thiền hộ quốc luận*, Eisai cho rằng, sứ mệnh của các thiền sư là làm cho thiền hưng thịnh (hưng thiền) để cứu độ chúng sinh và bảo vệ đất nước (hộ quốc). Từ đó, Eisai khẳng định, thiền cũng cần được chính quyền cho phép lưu hành, phổ biến như các tông phái Phật giáo khác.

Để triển khai phương châm của mình, Eisai không chỉ bày tỏ nguyện vọng về việc triều đình xuống chiếu chỉ cho phép truyền

bá đạo thiền mà còn tìm cách tiếp cận với những nhân vật có ảnh hưởng trong gia tộc của tướng quân Minamoto-no-Yoritomo. Trên thực tế, năm 1202, Hojo Masako (1157 – 1225)¹⁰ đã cho xây Jufuku-ji (Thọ Phúc tự) và mời Eisai vào trụ trì tại đó. Sau đó, ông lại được tướng quân Minamoto-no-Yoriie bảo trợ, cho kiến thiết Kennin-ji (Kiến Nhân tự) tại kinh đô và công nhận đây là Quan tự, tức thiền tự nằm dưới sự bảo trợ của chính quyền. Từ đó, Lâm Tế tông đã có được nền tảng vững chắc với tư cách là một tông phái độc lập. Cho đến nay, Lâm Tế tông Nhật Bản đã phát triển thành 14 lưu phái khác nhau. Đặc trưng của Lâm Tế tông Nhật Bản thời Kamakura là phát triển trong tầng lớp quý tộc, võ sĩ dựa trên Công án, tức hình thức tọa thiền và vấn đáp về giáo lý Thiền tông. Vì vậy, Lâm Tế tông còn được gọi là “Khán thoại thiền” (看話禪).

Ngoài ra, một trong những đặc trưng thường được đề cập đến trong tư tưởng thiền của Eisai là kiêm tu, tức là có sự kết hợp giữa Thiền tông và Mật tông. Hơn nữa, ông còn chủ trương “Phù luật Thiền pháp” (扶律禪法), nghĩa là coi trọng giới luật với tư cách là điều kiện tiên quyết của tọa thiền. Sau Eisai, nhiều vị tăng của Nhật Bản đã sang nhà Tống tầm cứu về thiền và mở ra một thời kỳ phát triển mới trong Thiền tông Nhật Bản nói riêng và giới Phật giáo Nhật Bản nói chung.

3.1.3. Thiền sư Dogen (1200 – 1253) và sự du nhập Tào Động tông thời Kamakura

Dogen được sinh ra trong gia đình thuộc đẳng cấp cao trong xã hội Nhật Bản đương thời. Năm 14 tuổi, ông đã lên núi Hieizan và tầm cứu về Thiên Thai tông. Tuy nhiên, khi biết đến Lâm Tế tông của Eisai, ông đã xuống núi và tu tập tại thiền tự Kennin-ji. Trên thực tế, ông đã theo đệ tử của Eisai là Myozen (1184 – 1225) và sang nhà Tống năm 24 tuổi. Khởi đầu, ông đã tu tập ở thiền tự Cảnh Đức, núi Thiên Đồng, nhưng sau đó đã tầm sư học đạo ở nhiều thiền tự khác nhau. Năm 1225, lần đầu tiên, Dogen được diện kiến thiền sư

⁹ Theo *Hưng Thiền hộ quốc luận* (Kozen Gokoku-ron, 興禪護国論).

¹⁰ Chính thất của Minamoto-no-Yoritomo, tướng quân đầu tiên của Mạc phủ Kamakura. Sau khi Tướng quân mất, các con trai lên thay, nhưng bà là người nắm thực quyền của Mạc phủ Kamakura.

Như Tịnh của Tào Động tông và được thu nạp làm đệ tử. Sau khi tu tập nghiêm ki theo sư Như Tịnh trong suốt 3 năm, Dogen được nhận ấn chứng và về nước vào năm 1227 cùng hải cốt của sư phụ Myozen đã viên tịch tại núi Thiên Đồng trước đó.

Sau khi về nước, Dogen đã về lại thiền tự Kennin-ji và tu tập cho đến khi dời đến Anyo-in ở vùng Fukakusa, Kyoto vào năm 1230. Năm 1233, ông đã lập thiền tự Kosho Horin-ji (Hung Thánh Bảo Lâm tự) theo thỉnh nguyện của một số quý tộc như Fujiwara-no-Norie (1194 – 1255)...

Tuy nhiên, theo di huấn của sư phụ Như Tịnh, năm 1243, Dogen đã lui về vùng thâm sơn cùng cốc ở Echizen (tỉnh Fukui ngày nay) và lập thiền tự Daibutsu-ji (Đại Phật tự), sau đó đổi thành Eihei-ji (Vĩnh Bình tự), tức thiền tự trung tâm của Tào Động tông. Tên gọi này có nguồn gốc từ niên hiệu Vĩnh Bình (Eihei) thời vua Minh Đế nhà Hậu Hán, bởi theo Dogen, Phật giáo được du nhập vào Trung Quốc năm Vĩnh Bình thứ 10 (năm 67) nên việc đặt tên thiền tự này là với hàm ý đây chính là nơi xuất tích đầu tiên của Phật giáo Nhật Bản. Trong 10 năm tu hành tại đây, Dogen đã chấp bút **Chính pháp nhãn tạng** gồm 95 quyển được coi là tác phẩm quan trọng nhất của ông Dogen, trong đó luận về cảnh giới và phương cách tu tập của đạo Thiền với trung tâm là khái niệm “Hiện thành công án”, nghĩa là “Tất thảy những gì tồn tại trên thực tế đều là chân lý tuyệt đối”. Theo Dogen, cả con người cũng tồn tại với tư cách là chân lý tuyệt đối. Chân lý này đã được truyền thụ từ các vị tổ trong đạo Phật và được mở ra bởi “Chỉ quán đả tọa”, tức là việc chuyên chú tọa thiền. Đây là điểm khác biệt với “Khán thoại thiền” của Lâm Tế tông. Theo Dogen, đã là thiền thì phải chuyên tu mà không phải là kiêm tu như Eisai. Và ông gọi đây là “Phật pháp chính truyền”.

Ngoài **Chính pháp nhãn tạng**, Dogen còn để lại nhiều tác phẩm quan trọng như **Bình Vĩnh thanh quy** (永平清規), **Học đạo dụng tâm tập** (学道用心集), **Phổ quán tọa thiền nghi** (普勧坐禅儀), **Bảo Khánh kí** (宝慶記)...Sau này, những tác phẩm đó đã trở thành

nền tảng tư tưởng cho Tào Động tông Nhật Bản. Hơn nữa, tại Eihei-ji, Dogen đã hướng đạo được nhiều môn đệ xuất sắc, gây dựng tăng đoàn để từ đó hình thành nên Tào Động tông với tư cách là một tông phái độc lập.

Ngày nay, Dogen được coi là vị khai tổ của Tào Động tông Nhật Bản và Eihei-ji là chùa tổ của tông phái này. Tuy nhiên, có một điều cần lưu ý là mặc dù Dogen cho rằng, tọa thiền là phương pháp hữu hiệu nhất để ngộ đạo và tư tưởng của ông cơ bản dựa trên kinh điển của Tào Động tông, nhưng Phật pháp mà Dogen hướng đến không hẳn là thiền phái đã bị chia tách thành Ngũ gia thất tông của nhà Tống đương thời mà là hình thái Phật giáo nguyên thủy trước đó. Vì vậy, bản thân Dogen không chỉ đích danh tên của tông phái mà đã gọi là “Phật pháp chính truyền”.

3.2. Sự triển khai hoạt động của các phái thiền ở Nhật Bản

3.2.1. Sự hình thành phái Thiền Ngũ sơn thời Kamakura

Như đã đề cập ở trên, sau khi từ nhà Tống về, Eisai đã nhận được sự ủng hộ của Mạc phủ Kamakura và đứng lên xây dựng thiền tự Kennin-ji. Từ cuối thế kỉ XII, nhiều thiền tự khác của Lâm Tế tông cũng đã được xây dựng dựa trên sự bảo hộ của Mạc phủ Kamakura. Ngoài tín ngưỡng đối với Lâm Tế tông, việc Mạc phủ ủng hộ một tông phái mới cũng một phần là để đối kháng lại với thế lực Phật giáo cũ, đưa những trang viên và lãnh địa giành được từ các tự viện Phật giáo cũ đó vào các thiền tự của Lâm Tế tông. Ngoài ra, trên phương diện thương mại, mâu dịch với Trung Hoa, việc Mạc phủ thực hiện phương sách trên cũng là để giành quyền lợi khi xảy ra tranh chấp giữa cảng Hakozaki của thế lực thân Thiên hoàng và cảng Hakata do thế lực của các thiền tự nắm quyền chi phối.

Có thuyết cho rằng, ngay từ thời Kamakura, Mạc phủ đã học chế độ Ngũ sơn của nhà Tống và chỉ định các thiền tự Lâm Tế tông vào hệ thống này với mục đích là để hệ thống hóa thiền tự và đặt dưới sự quản lí của mình. Theo **Thư tịch tự viện như Engaku-ji** và **Ghi chép nhân dịp giỗ năm**

thứ 13 của Hojo Sadatoki¹¹ thì đã có tăng ni của năm tự viện là Engaku-ji, Jufuku-ji, Jochi-ji, Encho-ji và Kennin-ji dự lễ, trong đó Enkaku-ji có 350 vị tăng, Kencho-ji có 388 vị tăng, Jufuku-ji có 260 vị tăng, Jochi-ji có 224 vị tăng. Nghĩa là, so với các tự viện bình thường khác thì số tăng chúng của các thiền tự thuộc Ngũ sơn tham gia nhiều hơn khoảng 100 vị. Trong năm thiền tự đó chỉ Kennin-ji là ở Kyoto, còn lại là ở Kamakura. Khi đó trụ trì đời thứ 19 của thiền tự Kennin-ji là Kengai Koan (1252 – 1331), một vị cao tăng thời đó, vốn là đệ tử chân truyền của thiền sư Daikyu Shonen (1215 – 1290), một vị tăng của nhà Tống, người đã cùng Lan Khuê Đạo Long (1208 – 1268) sang Nhật Bản từ khi mở thiền tự Kencho-ji, đã từng là trụ trì các thiền tự Zenko-ji, Jufuku-ji, Kencho-ji, Engaku-ji. Ông cũng chính là người đã kiến thiết thiền tự Jochi-ji. Đây đều là những thiền tự lớn, được Mạc phủ liệt vào Ngũ sơn. Vì vậy, Mạc phủ Kamakura đã không thể bỏ qua thiền tự Kennin-ji dù ở Kyoto.

Các thiền tự được liệt vào Ngũ sơn đều là những thiền tự có thế lực chính trị, tài chính, được kiến thiết bởi những nhân vật quan trọng hay đứng đầu tông phái, lưu phái như trường hợp của Kennin-ji đã nêu trên. Còn về các thiền tự ở Kamakura thì có thể thấy Ngũ sơn bao gồm Kencho-ji (Kiến Trường tự), Engaku-ji (Viên Giác tự), Jufuku-ji (Thọ Phúc tự), Jochi-ji (Tịnh Trí tự), Jomyo-ji (Tịnh Diệu tự). Tuy nhiên, ở mỗi thời tướng quân, thiền tự được liệt vào hàng Ngũ sơn lại có những sự thay đổi nhất định. Cuối thời Kamakura, Mạc phủ đã xây dựng hệ thống Thiền tự bao gồm Ngũ sơn, Thập sát và Chư sơn. Các vị thiền sư sau thời gian tu hành đặc đạo sẽ được Mạc phủ cấp giấy chứng nhận đủ tư cách trở thành trụ trì các thiền tự thuộc hệ thống Chư sơn gọi là Kojo (Công thiếp, 公帖). Sau đó, họ có thể thăng tiến và trở thành trụ trì của các thiền tự trong Thập sát hoặc Ngũ sơn.

Các thiền tự Ngũ sơn sau này còn được gọi là quan tự (官寺) và phần lớn là thuộc Lâm

Tề tông. Khi đó, Lâm Tề tông của Nhật Bản đã được chia thành nhiều lưu phái khác nhau như Oryu-ha (Hoàng Long phái) của Eisai, Hoto-ha (Pháp Đăng phái) của Muhon Kakushin (1207 – 1298), Daie-ha (Đại Huệ phái) của Chugan Engetsu (1300 – 1375), Butsugen-ha (Phật Nguyên phái) của Daikyu Shonen (1215 – 1290)... Mặc dù Thiền Ngũ sơn được Mạc phủ Kamakura bảo hộ và chiếm ưu thế hơn các lưu phái, tông phái Thiền khác, nhưng ngay cả trong Lâm Tề tông thì số lượng thiền tự theo Thiền Ngũ sơn cũng chỉ chiếm gần một nửa. Càng về sau, các chùa tổ thuộc Ngũ sơn Kamakura đã phát triển hệ thống Thập sát và Mật tự ở nhiều địa phương khác nhau. Ước tính đến cuối thời Kamakura, tổng số thiền tự thuộc Thiền Ngũ sơn đã lên tới vài ngàn (Imaeda 1961). Qua đó có thể thấy, kể từ khi du nhập vào Nhật Bản, dưới sự bảo trợ của giới võ sĩ, Thiền tông đã có những bước phát triển mạnh mẽ.

3.2.2. Sự triển khai của Phái Thiền Ngũ sơn thời Muromachi (1336 – 1573)

Sau khi Mạc phủ Kamakura sụp đổ, triều đình Nhật Bản đã bị phân chia thành Nam triều và Bắc triều. Năm 1338, sau khi thiết lập Bắc triều, tướng Ashikaga Takauji (1305 – 1358) đã trở thành Chinh di đại tướng quân và lập Mạc phủ ở Kyoto. Đến đời tướng quân thứ 3 của Mạc phủ Muromachi, tức tướng quân Ashikaga Yoshimitsu (1358 – 1408), nội loạn Nam Bắc triều mới được dẹp yên và triều đình thống nhất về một mối. Từ đó, Mạc phủ nắm giữ thực quyền, duy trì an ninh, trật tự, quyền tài phán, trưng thu thuế và can thiệp vào cả việc điều hành nhân sự, nghi lễ của triều đình. Không chỉ tăng cường kiểm soát về chính trị, kinh tế, các tướng quân của Mạc phủ Muromachi còn rất chú trọng đến sự phát triển của văn hóa, đặc biệt là văn hóa Thiền.

Ngay sau khi lập Mạc phủ Muromachi, tướng quân Ashikaga Takauji và võ tướng Ashikaga Tadayoshi (1307 – 1352) đã cho kiến thiết Tenryu-ji (Thiên Long tự). Sau đó, vào năm Rekio thứ 4 (1341), tướng

¹¹ Hai văn bản trên có tiêu đề nguyên văn tiếng Nhật là “円覚寺文書”, “北条貞時十三年忌供養記”. Hojo Sadatoki (1271 – 1311) là con trai của tướng Hojo Tokimune (1251 – 1284), một vị tướng nắm thực quyền trong Mạc phủ Kamakura.

Tadayoshi cơ cấu lại hệ thống Thiền ngũ sơn, trong đó Ngũ sơn đệ nhất là Kencho-ji, Nanzen-ji, Ngũ sơn đệ nhị là Engaku-ji, Tenryu-ji, Ngũ sơn đệ tam là Jufuku-ji, Ngũ sơn đệ tứ là Kennin-ji, Ngũ sơn đệ ngũ là Tofuku-ji, Chuẩn Ngũ sơn là Jochi-ji. Nghĩa là, bốn thiền tự ở Kyoto và bốn thiền tự ở Kamakura đã được Mạc phủ liệt vào hàng Ngũ sơn. Từ đây, chế độ Ngũ sơn của Nhật Bản đã có những điểm khác biệt so với chế độ của Ngũ sơn của nhà Tống, tức là không theo nguyên tắc chỉ hạn định trong số năm thiền tự mà đã trở thành cách thức để Mạc phủ tuyển chọn và quy định thứ hạng các thiền tự, thông qua đó quy các thiền tự về một mối dưới sự quản lý của Mạc phủ. Hơn nữa, tướng quân Takauji đã lập chức vụ Zenritsu Choro Bugyo (Thiền luật Trưởng lão phụng hành) trong Mạc phủ để quản lý hệ thống thiền tự. Sau đó, cùng với sự lớn mạnh của các thiền tự, Mạc phủ đã lập chức Zenritsukata Tonin (Thiền luật phương đầu nhân), tức là một vị trọng thần chuyên việc quản lý các thiền tự.

Tuy nhiên, đến thời tướng quân Ashikaga Yoshimitsu (1358 – 1408), người ta mới thấy quy định rõ ràng về chế độ Ngũ sơn. Đây cũng là thời kì Thiền Ngũ sơn phát triển cực thịnh. Ở Kyoto, Nanzen-ji được coi là thiền tự đặc biệt, đứng đầu các Ngũ sơn. Tiếp theo là Tenryu-ji, Shokoku-ji, Kennin-ji, Tofuku-ji, Manju-ji. Ngũ sơn ở Kamakura bao gồm Kencho-ji, Engaku-ji, Jufuku-ji, Jyochi-ji, Jyomyo-ji. Ngoài Ngũ sơn, ở Kyoto còn có Thập sát, bao gồm Toji-ji, Shinsen-ji, Shinyo-ji, Ankoku-ji, Hodo-ji, Fumon-ji, Kokaku-ji, Myoko-ji, Daitoku-ji, Ryusho-ji. Về Ngũ sơn Kyoto, ngoài Tenryu-ji và Kennin-ji đã nêu trên còn có Nanzen-ji, Shokoku-ji, Tofuku-ji, Manju-ji.

Sau đó, để mở rộng hệ thống thiền tự Ngũ sơn, Mạc phủ đã ban cho các thiền tự địa phương tư cách Thập sát và dần tạo nên mạng lưới thiền tự ở tất cả các địa phương mà Mạc phủ đã gây dựng được thế lực. Điều đáng chú ý là trong số những thiền tự địa phương theo Thiền Ngũ sơn này, phần đa là thiền tự thuộc các tông phái Phật giáo khác như Thiên Thai

tông, Mật tông, Tịnh độ tông... chuyển sang Thiền tông.

Đối với các thiền tự nêu trên, Mạc phủ Muromachi đã quản lý thông qua hệ thống Ngũ sơn – Thập sát – Chư sơn. Về mặt hành chính, Mạc phủ trực tiếp tiến hành thăng hạng hoặc tước tư cách của các thiền tự, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm đối với các vị sư trụ trì... Về chế độ đãi ngộ, Mạc phủ công nhận quyền bất khả xâm phạm và miễn các loại lao dịch cho các thiền tự nằm trong hệ thống này. Ngoài ra, trong các phiên tòa Mạc phủ xét xử về các cuộc tranh chấp giữa các tự viện thì phần thắng thường thuộc về các thiền tự Ngũ sơn. Ngược lại, các thiền tự này sẽ thay Mạc phủ quản hạt các thiền tự địa phương và đóng góp cho Mạc phủ về mặt tài chính. Mạc phủ cũng phân công rõ vai trò của các vị tăng chuyên thực hiện các hoạt động tôn giáo, tầm cứu kinh điển Thiền tông (được gọi là Saibanshu, tức Tây ban chúng) và những vị tăng chuyên đảm nhiệm việc vận hành các trang viên, quản lý hoạt động kinh tế của các thiền tự (được gọi là Tobanshu, tức Đông ban chúng). Trong số các Saibanshu và Tobanshu nêu trên cũng quy định thứ bậc trên dưới rõ ràng.

Dưới sự bảo hộ của Mạc phủ, các thiền tự Ngũ sơn đã dần gây dựng được thế lực lớn mạnh cả về chính trị và tài chính. Với sự am hiểu về Hán văn của mình, các thiền sư không chỉ là những nhà hoạt động tôn giáo mà đã trở thành những cố vấn chính trị, ngoại giao, chuyên gia hoa tiêu trong các thương vụ của Mạc phủ với nhà Minh hay Triều Tiên (Murai 1999)... Tuy nhiên, sự bảo hộ đó của Mạc phủ cũng mang đến cho Thiền tông đương thời những hệ lụy nhất định, đặc biệt là đã gây ra sự bất hòa trong quan hệ với các tự viện thân tín với triều đình như Enryaku-ji ở Hiei-zan hay Kofuku-ji ở Nara. Tự viện Kofuku-ji thậm chí còn không cho phép các thiền sư và các vị tăng của Lâm Tế tông vào Nara...

Như vậy, thông qua chế độ Ngũ sơn thời kì này, có thể thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa Mạc phủ Kamakura và Thiền tông, đặc biệt là Lâm Tế tông. Mạc phủ đã can thiệp sâu vào hầu hết các hoạt động của thiền tự. Ngược lại, các thiền tự không chỉ đóng vai trò

là một cơ sở tôn giáo mà đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tổ chức hành chính của Mạc phủ, giúp cho Mạc phủ duy trì quyền lực chính trị từ trung ương đến địa phương. Từ đó, có thể nói, Thiền tông Nhật Bản có tính chất nhập thế mạnh mẽ hơn Thiền tông ở các nước Đông Á khác cùng thời.

4. KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ của bài viết, có thể thấy cũng như các nước Đông Á khác Thiền tông đã được du nhập vào Nhật Bản thời kì Đường – Tống, thời kì mà thiền đang phát triển cực thịnh ở Trung Quốc. Sau khi được du nhập vào Nhật Bản, Thiền tông đã được triển khai theo những cách thức riêng với vai trò các vị khai tổ các tông phái như Eisai (Lâm Tế tông), Dogen (Tào Động tông). Đặc biệt, với sự ủng hộ mạnh mẽ của giới võ sĩ, thiền Ngũ sơn đã hình thành từ thời Kamakura, tạo nên hệ thống thiền tự và thúc đẩy sự ảnh hưởng của thiền trên các mặt của đời sống xã hội. Về cách thức hành trì, mỗi tông phái của Thiền tông Nhật Bản có cách thức hành trì khác nhau. Nếu như tông phái Lâm Tế tông theo Khán thoại thiền, Tào Động tông theo chuyên tu Mặc chiếu thiền thì Hoàng Bách tông chủ trương theo Niệm Phật thiền. Hơn nữa, sự kết hợp giữa nghệ thuật pha trà, thưởng trà và thiền cũng đã tạo nên một loại hình văn hóa truyền thống độc đáo của Nhật Bản là trà đạo và mang lại cho Thiền tông Nhật Bản những sắc thái mới.

Mặc dù cách thức du nhập và triển khai Thiền tông của Việt Nam khác với Nhật Bản do những khác biệt về bối cảnh chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội... nhưng thông qua trường hợp của Nhật Bản hi vọng có thể có những gợi ý để qua đó thấy được những nét khác biệt của Thiền tông Việt Nam, đặc biệt là Thiền Trúc Lâm trong dòng chảy chung của văn minh Đông Á, điều mà nếu chỉ nghiên cứu riêng từng trường hợp khó có thể nhận thấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Daisetz Tettaro Suzuki. (2023). *Thiền luận*, (Dương Ngọc Dũng dịch). Hà Nội: Nxb Hồng Đức.
- Giác Dũng. (2002). *Lịch sử Phật giáo Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.

- Harada Masatoshi. (1997). Phụ nữ và Thiền tông. Trong Nishiguchi Junko (chủ biên), *Suy nghĩ về thời Trung thế – Nữ giới và các vị Phật*. Nxb Yoshikawa Kobunkan. (原田正俊(1997)「女人と禅宗」、西口順子編『中世を考える 女人と仏』、吉川弘文館).
- Ibuki Atsushi. (2001). *Lịch sử Thiền*. Nxb Hozokan. (伊吹敦(2001)、『禅の歴史』、法蔵館).
- Imaeda Aishin. (1961). Cơ cấu Quan tự Thiền tông – Về sự phân bố Ngũ sơn thập sát ở các địa phương, *Ki yếu Nihon Gakushuin, Quyển 19, Số 3*. (今枝愛真(1961)「禅宗の官寺機構—五山十刹諸山の国別分布について」、89 頁 (『日本学士院紀要』、第 19 卷、第 3 号) .
- Murai Shokai. (1999). Quan hệ giao lưu Nhật Triều và vai trò của các Thiền sư thời Muromachi. *Niên báo Viện nghiên cứu Thiền*, Đại học Komazawa. (村井文介(1999)、「室町時代の日朝交渉と禅僧の役割」 駒澤大學禅研究所年報. 駒澤大學禅研究所年).
- Sueki Fumihiko. (1998). *Lí luận về sự hình thành Phật giáo Kamakura*. Nxb Hōzōkan. (末木文美士(1998)『鎌倉仏教形成論』、法蔵館).
- Tamamura Takeji. (1966). *Văn học Ngũ sơn*. Nxb Shibundo. (玉村竹二(1966)『五山文学』至文堂).
- Thích Thiện Quang. (2020). *Giáo trình sử Phật giáo Trung Quốc*. Thừa Thiên Huế: Nxb Thuận Hóa.
- Trần Quang Thuận. (2008). *Phật giáo Hàn Quốc*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
- Trần Quang Thuận. (2008). *Phật giáo Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
- Yoshiga Koshiro. (1978). *Học thuật và văn học trong các Thiền lâm thời Trung thế*. Nxb Shibunkaku. (芳賀幸四郎(1978)『中世禅林の学問および文学に関する研究』 思文閣出版).